

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 28/2006/QĐ-UBND

*Quảng Ngãi, ngày 18 tháng 5 năm 2006*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Kế hoạch phát triển Bưu chính, Viễn thông  
và Công nghệ thông tin tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2006-2010**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Bưu chính, Viễn thông;

Căn cứ Quyết định số 158/2001/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc "Phê duyệt chiến lược phát triển Bưu chính, Viễn thông đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020";

Căn cứ Quyết định số 236/2005/QĐ-TTg ngày 26 tháng 9 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc "Phê duyệt Quy hoạch phát triển Bưu chính Việt Nam đến 2010";

Căn cứ Quyết định số 246/2005/QĐ-TTg ngày 06 tháng 10 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc "Phê duyệt Chiến lược phát triển công nghệ thông tin và truyền thông Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020";

Căn cứ Quyết định số 32/2006/QĐ-TTg ngày 07 tháng 02 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc "Phê duyệt Quy hoạch phát triển Viễn thông và Internet Việt Nam đến năm 2010";

Căn cứ Quyết định số 04/2005/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc "Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ngãi đến 2010";

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Bưu chính, Viễn thông tại Tờ trình số 109/TTr-SBCVT ngày 03 tháng 4 năm 2006,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt "Kế hoạch phát triển Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2006-2010" kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Giao Sở Bưu chính, Viễn thông chủ trì phối hợp với các Sở, Ban ngành, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Bưu chính, Viễn thông, Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**  
**Nguyễn Kim Hiệu**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **KẾ HOẠCH**

**Phát triển Bưu chính, Viễn thông và  
Công nghệ thông tin tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2006-2010**  
(Kèm theo Quyết định số: 28/2006/QĐ-UBND  
ngày 18 tháng 5 năm 2006 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

### **I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG:**

#### **1. Quan điểm phát triển:**

- Bưu chính, viễn thông Quảng Ngãi trong mối liên kết với tin học, truyền thông tạo thành cơ sở hạ tầng thông tin của tỉnh, phải là công cụ quan trọng hàng đầu trong quản lý, điều hành ở mọi cơ quan, tổ chức, công dân, nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà trong quá trình hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế; do đó cần phải cập nhật thường xuyên công nghệ và kỹ thuật hiện đại.

- Phát triển đi đôi với khai thác và quản lý có hiệu quả, nhằm tạo điều kiện cho tất cả các thành phần kinh tế tham gia phát triển bưu chính, viễn thông, công nghiệp công nghệ thông tin (CNTT) trong môi trường cạnh tranh công bằng, minh bạch. Hình thành cơ sở hạ tầng về bưu chính, viễn thông và công nghiệp công nghệ thông tin nhằm đẩy nhanh việc ứng dụng các dịch vụ về bưu chính, viễn thông và thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin trong mọi lĩnh vực của toàn xã hội, góp phần phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao dân trí, do đó cần phải được lồng ghép trong các chương trình, hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học công nghệ và an ninh quốc phòng.

- Chủ động hội nhập kinh tế, phát triển đi đôi với đảm bảo an ninh, an toàn thông tin.

#### **2. Mục tiêu phát triển:**

Việc sử dụng các dịch vụ bưu chính, viễn thông và các ứng dụng CNTT được thực hiện rộng rãi trong hầu hết các ngành, các lĩnh vực của nền kinh tế; tích cực và chủ động tham gia thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về việc xây dựng và phát triển Việt Nam điện tử với công dân điện tử, Chính phủ điện tử, doanh nghiệp điện tử, giao dịch và thương mại điện tử... để Quảng Ngãi đạt trình độ trung bình khá của cả nước vào năm 2015.

#### **3. Định hướng phát triển:**

Phát triển bưu chính, viễn thông và CNTT của tỉnh Quảng Ngãi tập trung vào những vấn đề sau đây:

- Phát triển cơ sở hạ tầng mạng lưới bưu chính, viễn thông và CNTT:

+ Xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng mạng bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin của tỉnh đảm bảo tính tiên tiến, hiện đại, hoạt động hiệu quả, an toàn, tin cậy và phủ rộng trên địa bàn của tỉnh. Đến năm 2010 xa lộ thông tin quốc gia được nối đến tất cả các huyện và trên 80% số xã bằng cáp quang và các phương thức truyền dẫn băng rộng khác, đảm bảo có 20% số thuê bao điện thoại có thể truy cập Internet tốc độ cao;

+ Mở rộng mạng điểm phục vụ bưu chính, viễn thông và có 100% số xã có báo đến trong ngày.

- Phát triển dịch vụ bưu chính, viễn thông và CNTT: đẩy nhanh tốc độ phổ cập các dịch vụ mới, trong đó chú ý đến việc phát triển dịch vụ di động, Internet, thương mại điện tử, dịch vụ cộng đồng, dịch vụ gia tăng khác.

- Phát triển nguồn nhân lực:

+ Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực có chuyên môn và phẩm chất, đủ khả năng giải quyết những vấn đề về quản lý, điều hành, khai thác cơ sở hạ tầng phục vụ quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của nền kinh tế, tham gia hội nhập kinh tế quốc tế, đảm bảo an ninh, quốc phòng.

+ Thu hút nguồn nhân lực thuộc lĩnh vực bưu chính, viễn thông và CNTT có trình độ tốt về làm việc tại Quảng Ngãi nhằm đến 2010, Quảng Ngãi trở thành địa chỉ gia công phần mềm cho các nơi và đến 2015 có đủ năng lực sản xuất phần mềm đóng gói.

## **II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH:**

### **1. Bưu chính, viễn thông:**

- Tổng doanh thu phát sinh tăng hàng năm trên 20%.

- Về viễn thông:

+ Mật độ điện thoại đạt 30 máy/100 dân (trong đó điện thoại cố định: 13 máy/100 dân, điện thoại di động: 17 máy/100 dân), mật độ thuê bao internet đạt 6 máy/100 dân.

+ Đầu tư mới các tuyến cáp nhằm mở rộng mạng cáp thuộc các nguồn vốn (tập trung và phân cấp) đầu tư của các doanh nghiệp cho giai đoạn 2006-2010, ngầm hóa hệ thống cáp chính ngoại vi ở thành phố và các trung tâm huyện lỵ.

+ Phân đấu đến cuối năm 2010, toàn tỉnh bổ sung hệ thống tổng đài (bao gồm lắp đặt mới các Host, bổ sung các RLU, mở rộng các trạm ứng dụng công nghệ

CDMA, WIMAX,...), đảm bảo mạng chuyển mạch PSTN và hệ thống mạng truy nhập băng thông rộng thỏa mãn yêu cầu của xã hội; tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp viễn thông tiếp tục nâng cao chất lượng, mở rộng vùng phủ sóng và đổi mới kinh doanh dịch vụ thông tin di động trên địa bàn, hình thành mạng di động phủ sóng 100% các trung tâm thành phố, thị trấn...

+ Phát triển dịch vụ mới đưa vào hoạt động trên mạng lưới bưu chính, viễn thông Quảng Ngãi, trước mắt là hướng vào phục vụ Khu Kinh tế Dung Quất và các trung tâm đô thị. Đến năm 2010, toàn tỉnh hoàn thành 100% số xã có điểm bưu điện phục vụ, trong đó có 70% số xã có dịch vụ internet; mở rộng và phát triển dịch vụ kết nối băng thông rộng.

+ Phối hợp với các doanh nghiệp xây dựng các tuyến cáp phục vụ hệ thống phát thanh, truyền hình.

- Về bưu chính:

+ Đến năm 2010, tổng số điểm phục vụ đạt 450 điểm, bán kính phục vụ bình quân/điểm phục vụ dưới 2 km, số dân phục vụ bình quân/điểm phục vụ dưới 4.000 người, 100% số xã có báo đến trong ngày, 100% số xã có Bưu điện văn hóa xã.

+ Đảm bảo cung cấp dịch vụ bưu chính công ích đến tất cả các điểm phục vụ; duy trì tốc độ tăng trưởng của các dịch vụ bưu chính cơ bản; tăng cường phát triển dịch vụ bưu chính mới có khả năng mang lại lợi nhuận; mở rộng phạm vi kinh doanh tại nhiều bưu cục, điểm bưu điện văn hóa xã một số dịch vụ sau: dịch vụ tài chính, chuyển phát nhanh, bưu chính uỷ thác, datapost, bưu phẩm không địa chỉ; chấn chỉnh phong cách phục vụ, nâng cao chất lượng và ý thức trách nhiệm trong kinh doanh.

+ Thực hiện việc tính cước qua hệ thống máy tính; niêm yết bảng giá cước ở 100% số bưu cục, bưu điện văn hóa xã và trên 50% ở các đại lý.

+ Tiếp tục tác động để đổi mới công tác phát hành báo chí, mở rộng thị trường, đa dạng dịch vụ, nhằm nâng cao tốc độ và chất lượng phục vụ bưu chính trong toàn tỉnh.

2. Công nghệ thông tin:

a. Xây dựng hạ tầng về CNTT:

- Hoàn thành xây dựng mạng LAN tại các Sở, Ban ngành, khối UBND các huyện, thành phố, các mạng LAN khối Đảng tỉnh; từng bước thực hiện xây dựng Intranet tỉnh Quảng Ngãi.

- Đẩy mạnh việc thực hiện quản lý điều hành của các cơ quan Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội thông qua trang Web của tỉnh, từng bước thực hiện

chính quyền điện tử, công dân điện tử, doanh nghiệp điện tử, thương mại điện tử... theo lộ trình của Chính phủ. Thử nghiệm giao tiếp trực tiếp giữa chính quyền với tổ chức và công dân thông qua cổng giao tiếp điện tử; từng bước xây dựng mô hình chính quyền điện tử, gắn cải cách hành chính với tin học hóa quản lý Nhà nước trong thời gian tới; thử nghiệm các chương trình phần mềm dùng chung theo quy định của Ban Điều hành Đề án 112 của Chính phủ, của Ban quản lý Đề án 47 các cơ quan Đảng; đến năm 2010, 20% dịch vụ công được đưa lên mạng qua cổng giao tiếp điện tử để phục vụ tổ chức và công dân.

- Nghiên cứu và xây dựng các giải pháp nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp phát triển công nghiệp CNTT trên địa bàn.

b. Xây dựng các ngân hàng dữ liệu tổng hợp và hệ thống thông tin chuyên ngành:

- Xây dựng các cơ sở dữ liệu tổng hợp, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và tiếp tục hoàn thiện, cập nhật, bổ sung thông tin vào các cơ sở dữ liệu đã xây dựng: CSDL văn kiện Đảng bộ, CSDL Đảng viên, CSDL văn bản pháp quy, CSDL thông tin KT-XH, CSDL hồ sơ lưu trữ... để tiến tới cung cấp các dịch vụ theo các tiêu chí:

+ Đối với người dân: có thể nắm thông tin hữu ích và tiếp cận dần với các dịch vụ hành chính công trên mạng.

+ Đối với người quản lý thông tin: có thể đưa ra các biểu thống kê theo mục đích sử dụng để phân tích, đánh giá và có phương án trình lãnh đạo.

+ Đối với người lãnh đạo: Từ biểu định lượng có thể mô hình hóa giúp cho lãnh đạo xem nhanh, tổng hợp số liệu kịp thời để có hướng chỉ đạo.

- Xây dựng và triển khai khai thác các cơ sở dữ liệu (trong đó có các CSDL quốc gia), phần mềm dùng chung của Đề án 112, trọng tâm là hệ thống thông tin tổng hợp kinh tế - xã hội phục vụ điều hành, trang thông tin điện tử phục vụ điều hành, hệ thống quản lý hồ sơ công việc.

- Xây dựng mới và triển khai thử nghiệm một số phần mềm dùng chung mang tính tích hợp thông tin và khai thác được tài nguyên mạng một cách hiệu quả nhất, phục vụ công tác quản lý nhà nước trên địa bàn.

c. Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực:

- Nâng cao nhận thức về công nghệ thông tin cho các thành viên Ban chỉ đạo CNTT; đào tạo cán bộ quản lý CNTT thông qua các lớp tập huấn, các hội thảo về ứng dụng CNTT trong và ngoài nước; phấn đấu có khoảng 3-5 đoàn với 15-20 lượt người được đi tập huấn, hội thảo ở nước ngoài.

- Đào tạo phát triển nguồn nhân lực để sớm có đội ngũ cán bộ kỹ thuật quản trị mạng, hệ thống, quản trị cơ sở dữ liệu và đội ngũ công chức sử dụng máy tính trên mạng diện rộng WAN và mạng cục bộ LAN.

- Tiếp tục đào tạo sử dụng và khai thác internet cho lãnh đạo cấp huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn (bao gồm cả lãnh đạo Đảng, Chính quyền), lãnh đạo các doanh nghiệp.

- Mở rộng và phổ cập kiến thức về khai thác và trao đổi thông tin qua mạng máy tính, đảm bảo đến năm 2010 có trên 20% dân số sử dụng được các ứng dụng về CNTT.

d. Kế hoạch nghiên cứu, triển khai CNTT:

Tổ chức nghiên cứu, triển khai ứng dụng CNTT trong các lĩnh vực nằm ngoài phạm vi của 2 Đề án 112 và Đề án 47. Cụ thể:

- Xây dựng "Đề án phát triển CNTT tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2006-2010 và định hướng tới năm 2020".

- Nghiên cứu ứng dụng CNTT trong quy hoạch kinh tế - xã hội;

- Ứng dụng các giải pháp kỹ thuật để kết nối các mạng WAN trên cùng địa bàn để tạo thành mạng Intranet của Quảng Ngãi;

- Ứng dụng công nghệ GIS trong việc quản lý, khai thác mạng bưu chính, viễn thông và các lĩnh vực khác.

### **3. Về công tác quản lý tần số vô tuyến điện:**

Rà soát trên địa bàn tỉnh để có số liệu đầy đủ về các đơn vị, cá nhân sử dụng tần số vô tuyến điện, phục vụ công tác quản lý ngành cũng như công tác quy hoạch sử dụng tần số trên địa bàn tỉnh.

### **4. Về công tác quản lý, phát triển ứng dụng Internet:**

- Đẩy mạnh chương trình đưa Internet vào trường học (100% trường từ THCS trở lên và 50% trường tiểu học kết nối internet) vào khu vực dân cư; thực hiện chương trình đưa Internet về nông thôn theo lộ trình và hướng dẫn của Bộ Bưu chính, Viễn thông.

- Đảm bảo 100% chủ dịch vụ internet công cộng được qua đào tạo về quản lý, khai thác internet để có đủ điều kiện về kỹ thuật và trách nhiệm trong việc cung cấp dịch vụ cho người sử dụng.

- Nghiên cứu, tổ chức cài đặt phần mềm lọc thông tin cho tất cả các máy tính tham gia khai thác mạng internet.

### III. GIẢI PHÁP VÀ CHƯƠNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM:

#### 1. Giải pháp:

a. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, Chính quyền trong việc phát triển Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin:

- Tăng cường sự lãnh đạo của cấp uỷ, chỉ đạo của chính quyền các cấp trong tỉnh; triển khai các văn bản, Nghị quyết của Đảng, Nhà nước, của tỉnh xuống từng doanh nghiệp, từng đơn vị và tổ chức thực hiện, nhằm đẩy mạnh ứng dụng CNTT và Truyền thông (CNTT&TT) trong hoạt động của mọi lĩnh vực của xã hội.

- Tranh thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Bưu chính, Viễn thông, sự hỗ trợ về chuyên môn của các Cục, Vụ, Viện của Bộ.

#### b. Nâng cao nhận thức:

Nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí của bưu chính, viễn thông và CNTT trong mọi ngành kinh tế quốc dân, an ninh, quốc phòng và nâng cao năng lực sử dụng bưu chính, viễn thông và CNTT thông qua các hình thức tuyên truyền phổ biến như:

- Thực hiện "Chương trình triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin đến năm 2007" theo Quyết định số 26/2004/QĐ-BBCVT ngày 29/06/2004 của Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông.

- Phổ cập kiến thức tin học cho khoảng 180.000-200.000 dân, trong đó 70% lứa tuổi thanh niên ở thành phố, thị trấn biết sử dụng các ứng dụng CNTT.

- Tổ chức tuyên truyền về internet trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Tổ chức các Hội thảo chuyên ngành, chuyên đề, các hội chợ, triển lãm...

- Phát động phong trào xoá mù về CNTT&TT trong thanh niên, phụ nữ, cựu chiến binh, Hội nông dân...

#### c. Nâng cao năng lực ứng dụng và phát triển bưu chính, viễn thông và CNTT:

- Tuyên truyền, phổ biến chính sách của Nhà nước về đẩy mạnh ứng dụng CNTT&TT, về đầu tư và thu hút đầu tư cho lĩnh vực bưu chính, viễn thông và CNTT, về việc thực thi Chính phủ điện tử, công dân điện tử...

- Áp dụng các quy định và tiêu chuẩn cụ thể đối với đối tượng bắt buộc như: cán bộ, công chức, sinh viên... và có chính sách khuyến khích ứng dụng CNTT&TT đối với các đối tượng không bắt buộc.

- Ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất cho một số cơ sở đào tạo về CNTT&TT nhằm tạo điều kiện cho công dân được tiếp cận đến kiến thức và kỹ năng sử dụng dịch vụ về CNTT&TT.



**d.** Tăng cường năng lực và hiệu quả quản lý nhà nước về bưu chính, viễn thông và CNTT:

- Công tác tham mưu:

- Tham mưu cho UBND tỉnh sớm cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về bưu chính, viễn thông, internet, tần số vô tuyến điện và công nghiệp CNTT trên địa bàn tỉnh.

- Thu thập thông tin tạo các kho dữ liệu phục vụ công tác quản lý như: danh mục các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, điện tử, CNTT...; danh mục các cơ sở, cá nhân sử dụng thiết bị tần số vô tuyến điện; danh mục các đại lý Internet công cộng trên địa bàn tỉnh; danh mục các điểm Bưu điện Văn hóa xã.

- Công tác quy hoạch, xây dựng kế hoạch:

- Triển khai xây dựng Quy hoạch phát triển bưu chính, viễn thông, internet, tần số vô tuyến điện, CNTT tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2006-2010, định hướng tới năm 2020.

- Xây dựng đề án phát triển ứng dụng CNTT trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2006-2010.

- Xây dựng đề án đưa Internet về các điểm văn hóa xã.

- Xây dựng kế hoạch đảm bảo thông tin phục vụ công tác phòng chống lụt bão, an ninh, quốc phòng trên địa bàn tỉnh.

- Công tác thẩm định:

- Tổ chức thẩm định theo phân cấp quản lý nhà nước các dự án, đề tài về phát triển bưu chính, viễn thông và CNTT.

- Xây dựng và thực hiện đúng qui trình thẩm định, đảm bảo về mặt chất lượng và thời gian thẩm định.

- Công tác thanh tra:

- Tập trung công tác thanh tra về hoạt động của các doanh nghiệp trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông và công nghiệp CNTT, các đại lý dịch vụ bưu điện, internet, các cửa hàng điện tử, điện thoại...

- Phối hợp với Thanh tra Cục tần số tiến hành thanh tra công tác sử dụng tần số vô tuyến điện trên địa bàn.

- Giải quyết các khiếu nại, tố cáo của công dân liên quan đến lĩnh vực bưu chính, viễn thông và CNTT.

- Quản lý chất lượng về bưu chính, viễn thông và CNTT:

- Triển khai nhiệm vụ quản lý về chất lượng bưu chính, viễn thông, điện tử, tin học trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là hệ thống chuẩn về công nghệ thông tin như: chuẩn font tiếng Việt, trao đổi điện tử (EDI), chuẩn bảo mật và an toàn mạng...

- Triển khai quản lý chất lượng các dự án về CNTT trên địa bàn.

- Kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước về bưu chính, viễn thông và CNTT:

- Tổ chức quản lý về bưu chính, viễn thông và CNTT tại cấp huyện, thành phố.

- Thành lập Ban chỉ đạo về phát triển CNTT&TT do Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng ban, Sở Bưu chính, Viễn thông là cơ quan thường trực.

- Sớm hình thành hệ thống cán bộ phụ trách mảng CNTT&TT thuộc các cơ quan các cấp.

- đ. Phát triển nguồn nhân lực thông qua học tập nâng cao và tập huấn:

- Tập trung đào tạo tập huấn chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ cho công chức của Sở Bưu chính, Viễn thông nhằm nâng cao năng lực quản lý.

- Tuyển chọn học sinh giỏi; sinh viên mới ra trường có chuyên ngành điện tử, viễn thông và CNTT gửi đào tạo tại các Trường Đại học, các Viện, các Trung tâm chuyên ngành trong và ngoài nước để học tập và nâng cao trình độ, nhằm phục vụ cho các chương trình, dự án... của tỉnh trong thời gian tới, nhất là hình thành đội ngũ kỹ thuật chuyên nghiệp của tỉnh trong giai đoạn 2010-2015.

- Khuyến khích đào tạo tin học ở các cấp học và học bằng thứ 2 về CNTT&TT, đồng thời sớm hình thành cơ sở đào tạo nâng cao cho đội ngũ làm CNTT&TT của tỉnh.

- Tập huấn nghiệp vụ cho công chức các ngành có liên quan về khai thác, sử dụng thông tin trên internet.

- Tổ chức đào tạo, hướng dẫn chủ các cửa hàng, đại lý dịch vụ về bưu chính, viễn thông, điện tử, CNTT, internet công cộng về công tác quản lý, kỹ thuật sử dụng và khai thác các dịch vụ.

- e. Công tác nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ:

- Nâng cao năng lực nghiên cứu, tiếp nhận và triển khai về bưu chính, viễn thông và CNTT trên địa bàn.

- Triển khai các chương trình, đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ vào phục vụ cho sự phát triển của ngành bưu chính, viễn thông và CNTT.

- Xây dựng, trình UBND tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện đề án xây dựng: Trung tâm Hỗ trợ, Phát triển nguồn lực Công nghệ thông tin và Trung tâm Tư vấn,

Hỗ trợ và Dịch vụ kỹ thuật cao. Đây là những đơn vị sự nghiệp kỹ thuật chuyên ngành trực thuộc Sở Bưu chính, Viễn thông, nhằm thực hiện chức năng đầu mối để phối hợp với các Trung tâm tin học, đơn vị trên địa bàn tỉnh thực hiện các giải pháp kỹ thuật liên kết các mạng WAN, LAN trên địa bàn tỉnh; phân hoạch và cung cấp một cách có hệ thống các cơ sở dữ liệu dùng chung; thử nghiệm các phần mềm dùng chung trước khi cài đặt, triển khai mở rộng ra các đơn vị khác; tổ chức đào tạo nguồn nhân lực cho các cơ quan, nhằm đẩy mạnh ứng dụng CNTT trên địa bàn.

**g.** Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển bưu chính, viễn thông và CNTT:

- Xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi, thông thoáng, đảm bảo môi trường kinh doanh thuận lợi, công bằng cho các doanh nghiệp hoạt động thuộc lĩnh vực bưu chính, viễn thông và CNTT trên địa bàn.

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư phát triển hạ tầng về bưu chính, viễn thông và đặc biệt là công nghiệp CNTT.

**h.** Tăng cường hợp tác, liên kết trong và ngoài tỉnh:

- Tranh thủ sự hỗ trợ, chia sẻ thông tin của các cơ quan Trung ương, các tổ chức nghiên cứu, các trường đại học, các doanh nghiệp trong và ngoài nước về tri thức, kinh nghiệm trong nghiên cứu, quản lý, triển khai, sản xuất, kinh doanh nhằm đẩy mạnh việc ứng dụng các dịch vụ về bưu chính, viễn thông và CNTT.

- Tạo mối liên kết giữa 3 nhà: Nhà nước, nhà cung cấp dịch vụ và nhà sử dụng dịch vụ.

**i.** Phát triển thị trường bưu chính, viễn thông và CNTT:

Song song với việc xây dựng cơ chế, chính sách thu hút đầu tư, tỉnh thực hiện mở cửa thị trường, tạo điều kiện thuận lợi cho mọi nhà đầu tư tham gia cung cấp dịch vụ về bưu chính, viễn thông và CNTT, nhất là các doanh nghiệp mới.

**k.** Nguồn vốn thực hiện:

- Nguồn vốn từ ngân sách của Trung ương, theo các chương trình, dự án mục tiêu cho lĩnh vực bưu chính, viễn thông và CNTT quốc gia.

- Hàng năm, tỉnh ưu tiên bố trí kinh phí cho kế hoạch đầu tư cho phát triển bưu chính, viễn thông và CNTT (trọng tâm là ứng dụng và phát triển CNTT); phần đầu đến năm 2010, dành 1% ngân sách đầu tư cho ứng dụng và phát triển CNTT&TT.

- Các đơn vị thụ hưởng ngân sách địa phương phải xem việc ứng dụng và phát triển CNTT là lĩnh vực ưu tiên phát triển của ngành mình, đơn vị mình. Vì vậy, việc bố trí kinh phí phục vụ cho CNTT&TT theo thứ tự ưu tiên chỉ sau lương và các khoản có tính chất lương.

- Nguồn vốn đầu tư của các công ty, doanh nghiệp hoạt động trên lĩnh vực bưu chính, viễn thông và CNTT.

- Tích cực và tạo điều kiện để tìm kiếm và thu hút nguồn vốn ODA và FDI để thực hiện các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng cho bưu chính, viễn thông và CNTT.

- Quản lý chặt chẽ và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư từ Trung ương, của tỉnh cho chương trình CNTT, cho xây dựng hạ tầng mạng lưới bưu chính, viễn thông trên địa bàn tỉnh.

## **2. Xây dựng, triển khai các chương trình, đề án, dự án trọng điểm:**

### **a. Các chương trình trọng điểm:**

- Chương trình "Xây dựng và nâng cấp kết cấu hạ tầng về bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin" (các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông);

- Chương trình "Phát triển nguồn nhân lực cho công nghệ thông tin và truyền thông" (Sở Bưu chính, Viễn thông; Sở Nội vụ; Sở Giáo dục và Đào tạo);

- Chương trình "Đưa công nghệ thông tin và truyền thông về nông thôn" (Sở Bưu chính, Viễn thông; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn);

- Chương trình phổ cập CNTT cho người dân (Sở Giáo dục và Đào tạo; Tỉnh Đoàn; Hội Phụ nữ; Hội Nông dân; Hội Cựu chiến binh).

### **b. Các đề án, dự án trọng điểm:**

- Tiếp tục thực hiện đề án 112 về tin học hóa quản lý Nhà nước (Văn phòng UBND tỉnh);

- Lập, trình duyệt và tổ chức thực hiện đề án "Xây dựng Trung tâm Hỗ trợ, Phát triển nguồn lực công nghệ thông tin" (Sở Bưu chính, Viễn thông);

- Lập, trình duyệt và tổ chức thực hiện đề án "Xây dựng Trung tâm Tư vấn, Hỗ trợ và Dịch vụ kỹ thuật cao" (Sở Bưu chính, Viễn thông cùng Sở Nội vụ);

- Xây dựng dự án "Qui hoạch mạng bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin Quảng Ngãi giai đoạn 2006-2015" (Sở Bưu chính, Viễn thông cùng các doanh nghiệp kinh doanh bưu chính, viễn thông và CNTT);

- Xây dựng đề án thành lập "Khu Công nghệ cao về công nghiệp Công nghệ thông tin" (Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất);

- Hoàn thiện và nâng cấp dự án "Hệ thống thông tin lãnh đạo của Đảng" (Văn phòng Tỉnh uỷ);

- Xây dựng dự án "Kết nối các mạng LAN, WAN của các cơ quan Đảng và Nhà nước vào mạng Intranet và hình thành cổng giao dịch điện tử (Portal) Quảng Ngãi" (Sở Bưu chính, Viễn thông);

- Xây dựng dự án về "Đưa thông tin Khoa học và Công nghệ về vùng sâu, vùng xa" (Sở Khoa học và Công nghệ);

- Xây dựng dự án "Ứng dụng công nghệ GIS phục vụ cho công tác quản lý qui hoạch" (Sở Bưu chính, Viễn thông);

- Xây dựng dự án "Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ ứng dụng công nghệ thông tin" (Sở Kế hoạch và Đầu tư);

- Xây dựng dự án về "An ninh mạng" (Công an tỉnh);

- Xây dựng đề án về kêu gọi đầu tư đối với lĩnh vực công nghiệp CNTT (Sở Bưu chính, Viễn thông cùng Trung tâm xúc tiến đầu tư, thương mại và đối ngoại).

### **3. Tổ chức thực hiện kế hoạch:**

a) Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố căn cứ vào Kế hoạch này xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện cho giai đoạn 2006-2010 và kế hoạch hàng năm về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin và truyền thông như một bộ phận ưu tiên trong kế hoạch hoạt động thường xuyên của đơn vị.

b) Các Sở, Ban, ngành được giao chủ trì các chương trình, đề án, dự án đã nêu trên có trách nhiệm sớm hoàn thành xây dựng kế hoạch đầu tư, kế hoạch thực hiện và triển khai ngay khi Quyết định này có hiệu lực.

c) Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Bưu chính, Viễn thông trao đổi thống nhất việc bố trí kinh phí cho kế hoạch 5 năm và hàng năm của các chương trình, đề án, dự án trọng điểm của tỉnh và các dự án, kế hoạch ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin và truyền thông của các Sở, Ban, ngành, các huyện, thành phố.

### **4. Giao Sở Tài chính:**

- Tham mưu cho UBND tỉnh ban hành cơ chế điều hành thu, chi ngân sách hàng năm, trong đó ưu tiên bố trí kinh phí cho ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin và truyền thông.

- Hướng dẫn việc lập, sử dụng và quyết toán kinh phí, giám sát chi tiêu một cách có hiệu quả, đúng quy định pháp luật đối với các chương trình, đề án, dự án về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin và truyền thông.

### **5. Giao Sở Bưu chính, Viễn thông:**

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

- Xây dựng và đề xuất những giải pháp về cơ chế, chính sách cần thiết nhằm khuyến khích và tạo ra môi trường thuận lợi nhất để hoạt động bưu chính, viễn thông và công nghiệp CNTT phát triển, trình UBND tỉnh quyết định.

- Sơ kết tình hình thực hiện Kế hoạch hàng năm và tổng kết vào năm kết thúc.

6. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, các huyện, thành phố, các tổ chức có liên quan xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực phù hợp.

Các Sở, Ban, ngành, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện Kế hoạch, nếu có vướng mắc, Sở Bưu chính, Viễn thông có trách nhiệm tổng hợp, trao đổi với các Sở, Ban, ngành, các tổ chức có liên quan để trình UBND tỉnh điều chỉnh cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Kim Hiệu**